|  |  |
| --- | --- |
| (ĐƠN VỊ)  Số: ......... /BC-.. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*............, ngày tháng năm 2017*

**MẪU BÁO CÁO**

**Kết quả điều tra, khảo sát thu thập dữ liệu phục vụ xây dựng**

**Đề án “Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm”**

Căn cứ Quyết định số 2277/QĐ-BNN-VPĐP, ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Đề cương Đề án “Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm”, giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030 và bộ công cụ điều tra khảo sát (phục vụ xây dựng đề án);

Căn cứ Công văn số: /BNN-VPĐP ngày tháng 6 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xây dựng “Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm”, UBND tỉnh/thành phố.......... báo cáo tổng hợp thông tin, dữ liệu điều tra, khảo sát xây dựng Đề án Chương trình quốc gia Mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh/ thành phố như sau:

**I. THÔNG TIN, DỮ LIỆU**

**1. Sản phẩm địa phương**

Toàn tỉnh/thành phố hiện có … sản phẩm thế mạnh, thuộc … nhóm sản phẩm. Trong đó, nhóm Thực phẩm có … sản phẩm; nhóm Đồ uống có … sản phẩm; nhóm Thảo dược có … sản phẩm; nhóm Vải và may mặc có … sản phẩm; nhóm Lưu niệm - nội thất - trang trí có … sản phẩm; nhóm Dịch vụ du lịch nông thôn có … sản phẩm.

Có … sản phẩm có đăng ký công bố chất lượng,… sản phẩm có đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ.

Tổng sản lượng sản xuất các sản phẩm …. đơn vị sản phẩm. Tổng doanh thu trung bình của các sản phẩm …. triệu đồng/năm. Trong đó, … triệu/năm 2014, … triệu/năm 2015, … triệu/năm 2016.

Thị trường tiêu thụ chính của các sản phẩm gồm: (nêu tên các thị trường chính, trong tỉnh, ngoài tỉnh)…

**Bảng 1: Số lượng sản phẩm phân theo nhóm**

| **TT** | **Nhóm sản phẩm** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Thực phẩm |  |  |  |
| 2 | Đồ uống |  |  |  |
| 3 | Thảo dược |  |  |  |
| 4 | Vải và may mặc |  |  |  |
| 5 | Lưu niệm - nội thất - trang trí |  |  |  |
| 6 | Dịch vụ du lịch nông thôn |  |  |  |
|  | **Tổng** |  |  |  |

(*Số liệu tổng hợp theo Biểu số 1; Tỷ lệ (%): Số lượng sản phẩm trong từng nhóm/tổng số lượng sản phẩm*)

**2. Các chủ thể sản xuất**

- Tổng có … tổ chức/cá nhân đang sản xuất sản phẩm địa phương. Trong đó, có … Công ty Cổ phần, … HTX, … DNTN, … THT, … Hộ sản xuất - kinh doanh.

- Tổng vốn điều lệ của các chủ thể sản xuất … triệu đồng. Vốn huy động sản xuất … triệu đồng (vốn tự có … triệu đồng, vốn vay ngân hàng … triệu đồng, ngân sách nhà nước hỗ trợ … triệu đồng).

- Trình độ công nghệ: Có … chủ thể sản xuất có trình độ công nghệ tự động hóa, … chủ thể có trình độ cơ khí, … chủ thể trình độ thủ công.

- Tổng số lao động tham gia sản xuất tại các chủ thể sản xuất là … người. Trong đó, trình độ ĐH/CĐ … người, nghệ nhân … người, có chứng chỉ nghề … người, lao động phổ thông … người. Thu nhập bình quân của lao động … triện đồng/tháng.

- Tổng số … người đại diện theo pháp luật của các tổ chức/cá nhận sản xuất sản phẩm địa phương có … người trình độ ĐH/CĐ.

**Bảng 2: Loại hình tổ chức của các chủ thể sản xuất sản phẩm địa phương**

| **TT** | **Loại hình** | **Số lượng** | **Tỷ lệ (%)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Công ty Cổ phần |  |  |  |
| 2 | Công ty TNHH |  |  |  |
| 3 | Hợp tác xã |  |  |  |
| 4 | Tổ hợp tác |  |  |  |
| 5 | DNTN |  |  |  |
| 6 | Hộ SX-KD |  |  |  |
|  | **Tổng** |  |  |  |

(*Số liệu tổng hợp theo Biểu số 2; Tỷ lệ (%): Số lượng chủ thể trong từng loại hình/tổng số chủ thể*)

**3. Nguồn lực và cơ chế, chính sách cho Chương trình xây dựng nông thôn mới**

**3.1. Nguồn lực**

- Tổng ngân sách cho Chương trình xây dựng NTM tại tỉnh trung bình … triệu đồng/năm. Trong đó, ngân sách TW … triệu đồng, ngân sách tỉnh … triệu đồng, ngân sách huyện … triệu đồng.

- Tổng ngân sách cho hỗ trợ phát triển sản xuất tại tỉnh trung bình … triệu đồng/năm (chiếm …% tổng ngân sách cho Chương trình xây dựng NTM). Trong đó, ngân sách TW … triệu đồng, ngân sách tỉnh … triệu đồng, ngân sách huyện … triệu đồng.

(chi tiết theo Phụ lục 1)

**3.2. Cơ chế, chính sách**

- Hiện có … văn bản chính sách liên quan đến hỗ trợ hỗ trợ phát triển sản xuất cấp tỉnh (chi tiết theo Phụ lục 2)

- Các thủ tục hành chính thực hiện cơ chế, chính sách tại tỉnh:

**4. Công tác xúc tiến các sản phẩm tại địa phương (năm 2016)**

- Trên toàn tỉnh có … điểm giới thiệu và bán sản phẩm địa phương (sản phẩm nông sản, dịch vụ,…).

- Tổ chức … Hội chợ xúc tiến thương mại, … triển lãm giới thiệu sản phẩm.

- Các hoạt động xúc tiến trên các phương tiện truyền thông đại chúng gồm: … phóng sự, … bản tin truyền thanh, … lượt báo, … pano, … tờ rơi, …ấn phẩm.

- Tổ chức … khóa đào tạo về nghiệp vụ xúc tiến thương mại cho … học viên.

**5. Đánh giá chung**

**5.1. Điểm mạnh**

-…

**5.2. Tồn tại, hạn chế**

1) Sản phẩm

2) Tổ chức kinh tế

3) Tổ chức bộ máy cán bộ

**II. DỰ KIẾN PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHO CHƯƠNG TRÌNH OCOP TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

**1. Nhiệm vụ đến hết năm 2017**

-…

**2. Nhiệm vụ giai đoạn 2018-2020**

- Phát triển/nâng cấp … sản phẩm. Trong đó, có … sản phẩm mới (Biểu số 3), … sản phẩm chủ lực (Biểu số 4).

- …

**III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**1. Các đề xuất kiến nghị chung của chính quyền địa phương**

- Vốn, cơ cấu nguôn vố; cơ chế, chính sách phân bổ vốn;…(khó khăn, thuận lợi khi phân bổ vốn về cấp huyện,…) cho Chương trình NTM và Chương trình OCOP

- Nhân sự, đào tạo (Nhu cầu học tập kinh nghiệm trong nước và quốc tế,…)

-…

**2. Tổng hợp chung kiến nghị của các chủ thể sản xuất sản phẩm địa phương**

- ...

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  ***­***- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);  - UBND tỉnh;  - VPĐP NTM Trung ương;  - .. | **TM** ...........  (*ký tên, đóng dấu*) |

**PHỤ LỤC 1:**

**NGÂN SÁCH CHO CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm** | **Ngân sách NN (triệu đồng)** | | | **Ghi chú** |
| **2014** | **2015** | **2016** |
| **I** | **Ngân sách cho Chương trình xây dựng NTM** |  |  |  |  |
| 1 | Cấp TW |  |  |  |  |
| 2 | Cấp tỉnh |  |  |  |  |
| 3 | Cấp huyện |  |  |  |  |
| **II** | **Ngân sách cho hỗ trợ phát triển sản xuất** |  |  |  |  |
| 1 | Cấp TW |  |  |  |  |
| 2 | Cấp tỉnh |  |  |  |  |
| 3 | Cấp huyện |  |  |  |  |

**PHỤ LỤC 2:**

**DANH SÁCH VĂN BẢN CHÍNH SÁCH**

**LIÊN QUAN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CẤP TỈNH**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên** | **Cơ quan ban hành** | **Thời gian có hiệu lực** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
|  |  |  |  |

**CÁC BIỂU SỐ 1, 2, 3, 4** …